

Số: 107./2025/QLQ-PBIF

Hà Nội, ngày 24 tháng 05 năm 2025

## BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ NĂM 2024

(Căn cứ Phụ lục số 25 kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

### 1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a. **Tên của quỹ:** Quỹ Đầu tư Cân bằng PVcom (PBIF)

**Loại hình quỹ:** Quỹ mở

b. **Mục tiêu đầu tư của quỹ:** Quỹ hướng tới mục tiêu bảo toàn vốn, nhưng vẫn tối đa hóa lợi nhuận và tăng thanh khoản cho Chứng chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư đang nắm giữ thông qua việc đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

c. **Thời hạn hoạt động của quỹ:** Không giới hạn

d. **Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio):** không có

e. **Chính sách phân chia lợi nhuận:** Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

f. **Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2024:** 16.707.467,29 Chứng chỉ quỹ

g. **Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:** Không có

h. **Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:**

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2024 số 01/2024/NQĐH - PBIF ngày 26/04/2024, các nội dung được thông qua như sau:

- Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Quỹ PBIF.



- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ PBIF.
- Thông qua Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2023 của Quỹ PBIF.
- Thông qua ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ PBIF lựa chọn, phê duyệt đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PBIF trong năm tài chính 2024.

i. **Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát** về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Công ty quản lý quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

## 2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12/2024, cụ thể:

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của quỹ:

Danh mục đầu tư	31/12/2024	31/12/2023	Quỹ chưa thành lập
Trái phiếu	23,38%	25.35%	-
Cổ phiếu	64,28%	0.79%	-
Chứng chỉ tiền gửi	0%	18.52%	-
Hợp đồng tiền gửi	-	53.23%	-
Tài sản khác	12,34%	2.11%	-
<b>Tổng tài sản</b>	<b>100,00%</b>	<b>100.00%</b>	-

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	31/12/2024	31/12/2023	Quỹ chưa thành lập
Giá trị tài sản ròng (VND)	175.771.685.761	120.547.035.738	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	10.520,54	10.424,91	-
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	16.707.467,29	11.563.369,97	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	11.519,00	10.657,57	-
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	10.224,05	9.992,71	-



- Tổng lợi nhuận của quỹ:

	Nội dung	31/12/2024	31/12/2023	Quỹ chưa thành lập
<b>I</b>	<b>Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (1.1+1.2+1.3)</b>	<b>2.467.067.652</b>	<b>1.066.638.731</b>	-
1.1	Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	6,105,808,150	1,841,794,514	-
1.2	Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	1,070,862,534	1,314,614,376	-
1.3	Chi phí	(4,709,603,032)	(2,089,770,159)	-
<b>II</b>	<b>Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(250,360,795)</b>	<b>2,556,189,478</b>	-
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận của quỹ sau thuế (III=I+II)</b>	<b>2,216,706,857</b>	<b>3,622,828,209</b>	-

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: không có.

- Thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: không có.

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có);

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Quỹ chưa thành lập
Tỷ lệ chi phí hoạt động	3.27%	3.39%	-
Tốc độ vòng quay danh mục	388.19%	297.62%	-

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tổng lợi nhuận bình quân năm của quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng:

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2023	Quỹ chưa thành lập
Lợi nhuận bình quân	2,216,706,857	3,622,828,209	-

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV- Chi nhánh Hà Thành.

: 7  
CỔ  
CÁC  
QU  
QUỸ N  
ƯỞNG  
ĐẠI  
VIỆ  
C Đ



- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như HNX, HSX.

d) Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

### 3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản bao gồm các nội dung sau:

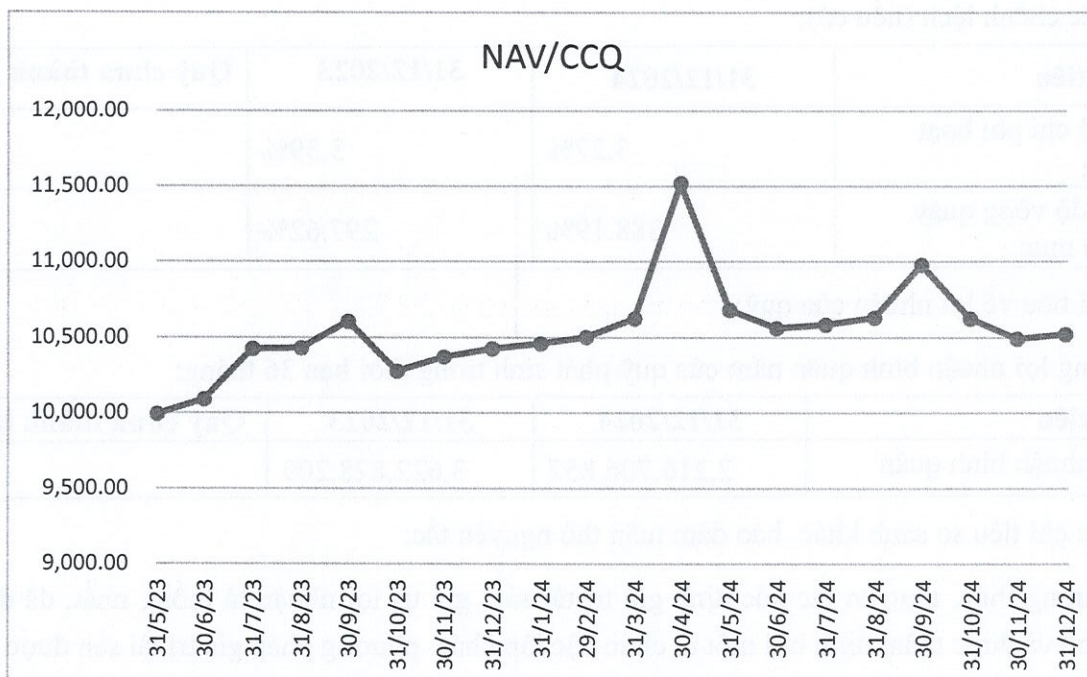
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ : không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư: Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, Quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 0,92%/năm.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): không có

d) Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo: Tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất):



Tính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 Quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng 0,92%.



g) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

### **Kinh tế vĩ mô:**

Năm 2024, GDP của Việt Nam tăng 7,09%, đạt mức tăng trưởng khá cao so với năm 2023. Quy mô nền kinh tế: GDP theo giá hiện hành đạt 11.511,9 nghìn tỷ đồng (khoảng 476,3 tỷ USD). Tổng kim ngạch Xuất nhập khẩu đạt 715 tỷ USD, tăng 15,3% so với năm 2023, trong đó xuất khẩu đạt gần 369 tỷ USD, tăng 15,4%, nhập khẩu đạt khoảng 346 tỷ USD, tăng 17,3%. Thặng dư thương mại đạt hơn 23 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân tăng 3,5%, thấp hơn mục tiêu 4% của Chính phủ, nhờ giá năng lượng ổn định và nguồn cung hàng hóa đảm bảo. Giải ngân đầu tư công đạt mức cao, đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng GDP. Các dự án lớn như cao tốc Bắc - Nam và các khu kinh tế trọng điểm được đẩy mạnh. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 29,5 tỷ USD, tập trung vào các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất và năng lượng tái tạo.

### *Kết luận*

Năm 2024, kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả tích cực, với tăng trưởng GDP cao, kiểm soát lạm phát tốt và thặng dư thương mại bền vững. Đầu tư công và dòng vốn FDI tiếp tục là động lực chính, trong khi chính sách tài chính – tiền tệ linh hoạt hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, vẫn cần chú ý đến những rủi ro như nợ xấu và sự phụ thuộc vào thị trường xuất khẩu lớn.

### **Thị trường lãi suất:**

Năm 2024, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và kiểm soát lạm phát. Về lãi suất điều hành: NHNN đã giảm lãi suất điều hành 3 lần trong năm, phù hợp với xu hướng giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Lãi suất tái cấp vốn được duy trì ở mức 4,5%/năm, trong khi lãi suất tái chiết khấu là 3%/năm.

Mặt bằng lãi suất huy động giảm nhẹ so với năm 2023, dao động từ 3,5% - 5,5%/năm cho kỳ hạn dưới 6 tháng và 5,5% - 7%/năm cho kỳ hạn dài hơn. Một số ngân hàng thương mại lớn như Vietcombank, BIDV áp dụng mức lãi suất thấp để kích thích tiêu dùng.

Lãi suất cho vay doanh nghiệp trung bình ở mức 8% - 10%/năm đối với các lĩnh vực ưu tiên. Các khoản vay tiêu dùng và bất động sản có lãi suất cao hơn, dao động từ 11% - 13%/năm tùy vào mức độ tín nhiệm của khách hàng.

Lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng duy trì ổn định ở mức 4,6%/năm trong phần lớn thời gian năm 2024. Lãi suất tín phiếu NHNN và cho vay cầm cố trên thị trường mở giữ ở mức 4,5%/năm, tương đương với lãi suất tái cấp vốn.

### *Kết luận*

Thị trường lãi suất Việt Nam năm 2024 ghi nhận xu hướng giảm lãi suất, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân. NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, đảm bảo

- C  
- T  
- H  
- L  
- N  
- H  
- I  
- C  
- T  
- N  
- N  
- T



ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi diễn biến quốc tế và trong nước để điều chỉnh phù hợp.

### **Thị trường Cổ phiếu**

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2024 ghi nhận sự phục hồi tích cực khi chỉ số VN-Index kết thúc năm ở mức 1.266,78 điểm, tăng 12,11% so với cuối năm 2023. Đà phục hồi được thúc đẩy bởi các chính sách hỗ trợ kinh tế và xu hướng giảm lãi suất, giúp cải thiện tâm lý nhà đầu tư. Tuy nhiên, thị trường vẫn chịu áp lực lớn từ xu hướng bán rông của nhà đầu tư nước ngoài, với tổng giá trị bán rông lên tới gần 90.000 tỷ đồng, gấp 4 lần so với năm 2023

Thanh khoản thị trường duy trì ở mức ổn định, với giá trị giao dịch trung bình đạt khoảng 15.000 - 20.000 tỷ đồng/ngày. Khối ngoại ghi nhận dòng vốn rút rông mạnh mẽ, đặc biệt trong nửa cuối năm 2024, nguyên nhân chính bao gồm những lo ngại về tăng trưởng kinh tế toàn cầu và các yếu tố bất ổn địa chính trị.

Dự báo năm 2025, thị trường được kỳ vọng sẽ ổn định hơn khi các yếu tố bất lợi từ bên ngoài giảm bớt đồng thời các chính sách hỗ trợ kinh tế của Chính phủ và NHNN tiếp tục là động lực chính cho thị trường cổ phiếu tăng trưởng.

### **Thị trường Trái phiếu:**

Năm 2024, Thị trường trái phiếu Doanh nghiệp sơ cấp Việt Nam ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ với tổng giá trị phát hành đạt 443.000 tỉ đồng, tăng gần 27% so với năm 2023, trong đó phát hành riêng lẻ chiếm 92%. Đây là dấu hiệu tích cực, phản ánh sức hút lớn của kênh huy động vốn này. Tuy nhiên, ngành ngân hàng vẫn giữ vị trí chủ lực với giá trị phát hành gần 300.000 tỉ đồng, chiếm tới 67,1% tổng thị trường. Ngành bất động sản chứng kiến sự sụt giảm đáng kể ở mức -18,7%, với kỳ hạn phát hành rút ngắn còn 2,65 năm so với 3,72 năm vào năm 2023 và lãi suất coupon tăng lên 11,13% so với 10,93% năm trước.

Tổng trị trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn trong năm 2025 đạt giá trị hơn 221.000 tỉ đồng, trong đó, bất động sản chiếm tỉ trọng 48%, đạt gần 107.000 tỉ đồng. Áp lực đáo hạn trong năm 2025 dồn vào nửa cuối năm và đỡ áp lực hơn vào nửa đầu năm.

h) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ : Không có

i) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

k) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan : Không có

l) Các thông tin khác : Không có

## **4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.



b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan:

- Tại kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng của quỹ ngày 02/04/2024, 09/04/2024, 26/11/2024, tỷ lệ tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Tỷ lệ đầu tư nêu trên của quỹ đã đảm bảo hạn mức tối đa 40% theo quy định tại điểm e Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC; và cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ đã được điều chỉnh trong thời hạn được phép theo quy định tại khoản 7 Điều 24, khoản 6 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

## 5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

<b>Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2023 đến 31/12/2023</b>	<b>Số tiền (VND) hoặc tỷ lệ %</b>
Tổng chi phí ủy quyền trong kỳ (VND)	<b>576.000.000</b>
% tổng chi phí ủy quyền/lợi nhuận	25,98%
% tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng	23,40%
% Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí	12,23%

b) Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: không có

c) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV- chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

<b>Tổng các chi phí ủy quyền từ 01/01/2024 đến 31/12/2024</b>	<b>Giá trị (VND)</b>
Phí lưu ký	180.000.000
Phí Giám sát	66.000.000
Phí quản trị quỹ	198.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	132.000.000
<b>Tổng</b>	<b>576.000.000</b>





d) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư: Dịch vụ Đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC). Dịch vụ lưu ký, giám sát và quản trị quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)- chi nhánh Hà Thành. Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV- chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và ác bên nhận ủy quyền cho quỹ PBIF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ trong năm 2024 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng ./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, PBIF (2b).

**Giám đốc**

**Công ty cổ phần Quản lý quỹ**

**Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam**



**Trần Quang Vinh**